

【Mẫu 2】Gửi Ban lãnh đạo địa phương THẺ THÔNG TIN NGƯỜI SƠ TÁN			Tên cơ sở lánh nạn				Mã số tiếp nhận								
			Ngày tháng điền thông tin		Ngày 日 tháng 月 năm 年										
Phiên âm Furigana						Số điện thoại di động (Nếu không có hãy ghi số điện thoại nhà)		() —							
Tên của người đại diện hộ gia đình															
Địa chỉ ghi trên giấy cư trú		Tỉnh Gifu		Thành phố											
				Thôn/xã											
Hình thái nhà ở	☐ Nhà riêng ☐ Nhà thuê ☐ Khác ()			Tình trạng ngôi nhà		☐ Hur hỏng toàn bộ ☐ Hur hỏng 1 nửa ☐ Hur hỏng 1 phần ☐ Nước ngập trên mức sàn nhà ☐ Nước ngập dưới mức sàn nhà ☐ Cắt nước ☐ Mất điện ☐ Cắt gas									
				Còn ở được hay không		☐ Có thể ☐ Không thể									
Xe ô tô	Loại xe:		Biển số:		Có thú nuôi đi cùng hay không		☐ Có (Chủng loại) ☐ Không ※Cần ghi cả vào số thú nuôi								
Màu sắc:		Nơi đỗ xe:													
Tình trạng lánh nạn (Có thể tích vào nhiều lựa chọn)		☐ Tại cơ sở lánh nạn ☐ Tại nhà ☐ Trong xe ô tô ☐ Lều trại ngoài trời (Địa điểm) ☐ Khác ()													
Tình trạng gia đình	Họ tên		Giới tính	Tuổi	Những mục cần được quan tâm (Trong những mục có dấu ✓ hãy ghi chi tiết ở dòng phía dưới)										
					Phụ nữ mang thai	Cần chăm sóc	Khuyết tật					Dị ứng	Thuốc uống	Khác	
	Thân thể		Tình thần	Trí tuệ			Phát triển	Khác							
	Người đại diện hộ gia đình				☐ Nam ☐ Nữ	Tuổi			☐	☐	☐ Tay chân ☐ Nội khoa ☐ Thị giác ☐ Thính giác		☐	☐	☐
			☐ Nam ☐ Nữ	Tuổi	☐	☐	☐ Tay chân ☐ Nội khoa ☐ Thị giác ☐ Thính giác		☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
			☐ Nam ☐ Nữ	Tuổi	☐	☐	☐ Tay chân ☐ Nội khoa ☐ Thị giác ☐ Thính giác		☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
			☐ Nam ☐ Nữ	Tuổi	☐	☐	☐ Tay chân ☐ Nội khoa ☐ Thị giác ☐ Thính giác		☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
			☐ Nam ☐ Nữ	Tuổi	☐	☐	☐ Tay chân ☐ Nội khoa ☐ Thị giác ☐ Thính giác		☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
			☐ Nam ☐ Nữ	Tuổi	☐	☐	☐ Tay chân ☐ Nội khoa ☐ Thị giác ☐ Thính giác		☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
Tại mục có đánh dấu ✓ hãy ghi chi tiết ở đây															
Những việc bạn có thể hỗ trợ vận hành tại cơ sở lánh nạn (chứng chỉ/ kỹ năng đặc biệt)															
Phản hồi khi có yêu cầu xác nhận an toàn từ người thân...		☐ Có ☐ Không		※ Hãy chắc chắn được sự đồng ý của toàn bộ thành viên trong gia đình khi điền dấu ✓. Ngoài ra, trong trường hợp không muốn tiết lộ thông tin vì là nạn nhân của bạo lực gia đình,v.v. nhất định hãy thông báo cho chúng tôi.											
Mục ghi khi rời khỏi cơ sở lánh nạn	Ngày tháng rời đi		Ngày 日 tháng 月 năm 年			Số điện thoại									
	Địa chỉ sau khi rời đi		To 都 Do 道 Shi 市 Ku 区 Fu 府 Ken 県 Cho 町 Mura 村												

※ Xin lưu ý rằng chúng tôi sẽ lập danh sách những người bị ảnh hưởng do thiên tai và sử dụng những thông tin này căn cứ theo Điều 90 Khoản 3 tại Luật cơ bản để ứng phó với thiên tai. Thông tin được ghi tại các mục ở trên sẽ được cung cấp đến cho Ủy ban vận hành nơi lánh nạn và Đội quản lý vận hành nhằm mục đích quản lý vận hành cơ sở lánh nạn (như cung cấp thực phẩm/vật dụng và đáp ứng các nguyên vọng cần được chăm sóc...).

Nội Quy Sinh Hoạt Tại Cơ Sở Lánh Nạn

Tại cơ sở lánh nạn này có quy định nội quy sinh hoạt tại nơi lánh nạn như dưới đây.

Kính mong quý vị tuân thủ nội quy trong thời gian sinh hoạt tại đây.

Ủy ban Quản lý Vận hành Cơ sở Lánh nạn Khu vực..... (Shi ▪ Cho ▪ Son)

- 1 Cơ sở lánh nạn này là cứ điểm phòng chống thiên tai của khu vực. Những người hiện đang lánh nạn tại đây vui lòng chủ động tự nguyện tham gia vào các hoạt động quản lý vận hành nơi lánh nạn thông qua những việc như trực ban, v.v.
- 2 Để quản lý vận hành cơ sở lánh nạn, chúng tôi thành lập Ủy ban Vận hành Quản lý Cơ sở Lánh nạn (sau đây sẽ gọi là "Ủy ban") bao gồm: người quản lý cơ sở, nhân viên công chức địa phương (người đảm nhận hỗ trợ cơ sở lánh nạn), cùng với đại diện và vài người trực tiếp đảm nhận vận hành là người hiện đang lánh nạn.
 - Ủy ban sẽ tổ chức họp định kỳ hàng ngày vào lúc.....giờ sáng và lúc.....giờ chiều.
 - Ủy ban sẽ được lập thành các đội từ những người lánh nạn như: Đội tổng vụ, Đội quản lý thông tin người lánh nạn, Đội truyền tin, Đội thực phẩm/vật dụng, Đội hỗ trợ đời sống, Đội quản lý an toàn vệ sinh.
- 3 Cơ sở lánh nạn sẽ lần lượt thu nhỏ quy mô/đóng cửa sau khi người hiện đang lánh nạn đảm bảo được nơi ở và khôi phục được cuộc sống sinh hoạt như điện, nước...
- 4 Người lánh nạn cần phải ghi đầy đủ thành viên trong gia đình trong thẻ thông tin người sơ tán và nộp lại.
 - Khi rời khỏi nơi lánh nạn, hãy thông báo cho Ủy ban quản lý hoặc Đội quản lý thông tin người lánh nạn.
- 5 Chỉ được phép sử dụng khoảng không gian lánh nạn đã được người quản lý cơ sở chấp thuận. Ngoài ra, khoảng không gian lánh nạn sẽ được xem xét định kỳ.
 - Cấm không được đi giày/dép trong khu vực lánh nạn (trong nhà)
 - Vật nuôi chỉ được phép nuôi tại nơi chỉ định, cấm không được dẫn vật nuôi vào khu vực lánh nạn.
- 6 Thực phẩm/vật dụng sinh hoạt sẽ được phân phát tại trước Quầy phân phát vật dụng vào lúc.....giờ sáng, 12 giờ trưa và lúc.....giờ chiều.
 - Trong trường hợp không đảm bảo số lượng thực phẩm/vật dụng sinh hoạt đủ cho tất cả mọi người thì trên nguyên tắc sẽ tạm dừng việc phân phát. Tuy nhiên, có trường hợp chúng tôi sẽ phân phát cho những người có hoàn cảnh đặc biệt sau khi giải thích cho những người lánh nạn khác.
 - Những người có mong muốn nhận bím/sữa và đồ dùng cho nữ giới, v.v. xin vui lòng thông báo cho Đội thực phẩm/vật dụng hoặc Đội hỗ trợ đời sống.
- 7 Đèn sẽ được tắt tại khu vực sinh hoạt từ lúc.....giờ tối.
 - Để phòng chống tội phạm, xung quanh khu vực hành lang và nhà vệ sinh, Trụ sở ban quản lý sẽ vẫn bật đèn.
 - Sau khi đèn tắt, xin vui lòng hạn chế nói chuyện và sử dụng điện thoại di động tại khu vực sinh hoạt.
- 8 Trong trường hợp có cuộc điện thoại gọi tới cho người hiện đang lánh nạn tại cơ sở thì chúng tôi sẽ tiếp nhận lời nhắn và thông báo trên loa phát thanh về việc có tin nhắn chỉ trong khung giờ từ.....giờ sáng đến.....giờ chiều tối.
 - Điện thoại công cộng trong giờ cao điểm chỉ có thể sử dụng trong trường hợp khẩn cấp.
- 9 Người lánh nạn sẽ thay phiên nhau dọn dẹp nhà vệ sinh và lúc.....giờ sáng,giờ chiều và.....giờ.
 - Khi sử dụng bồn cầu xả nước, chỉ dội nước bằng xô nước khi đi đại tiện.
- 10 Để đảm bảo vệ sinh công cộng, khi ra vào cơ sở lánh nạn hãy luôn lưu ý thực hiện việc rửa tay, súc miệng, khử khuẩn tay, đeo khẩu trang.
 - Người có triệu chứng tiêu chảy, phát sốt, v.v. hãy thông báo cho Đội quản lý vệ sinh.
- 11 Cấm không được uống rượu trong cơ sở lánh nạn và hút thuốc ngoài nơi được chỉ định.
- 12 Trên nguyên tắc, cấm không được sử dụng lửa trong khuôn viên cơ sở. Khi sử dụng lửa như thiết bị sưởi ấm/nấu ăn, v.v. cần phải được sự đồng ý của người quản lý cơ sở và phải lưu ý sử dụng an toàn.

Lưu ý khi sử dụng nhà vệ sinh (ví dụ) trường hợp sử dụng nhà vệ sinh có sẵn

- Nhà vệ sinh này hiện nay nếu vứt những chế phẩm từ giấy (giấy vệ sinh, khăn giấy có thể xả trong bồn cầu) thì có khả năng sẽ bị tắc.
- Không vứt chế phẩm từ giấy vào bồn cầu và xả nước. Hãy vứt vào thùng rác được chuẩn bị và nhất định phải đóng miệng thùng rác lại sau khi vứt rác.
- Sau khi sử dụng nhà vệ sinh hãy xả nước bằng nước được chuẩn bị cho nhà vệ sinh (xô nước hoặc chai nước). Đây là nước dùng chung cho mọi người nên hãy chú ý tiết kiệm nước. Khi thấy sắp hết nước dùng cho nhà vệ sinh, hãy cùng vận chuyển nước lại cho những người dùng sau.
- Nước dùng cho nhà vệ sinh là nước bể bơi nên không được dùng để rửa tay. Khi muốn rửa tay hãy sử dụng nước được chuẩn bị ở nơi rửa tay (nước dùng rửa tay).
- Nhà vệ sinh là nơi mọi người dùng chung nên hãy giữ sạch sẽ. Khi bị bẩn hãy làm sạch ngay lúc đó.
- Dọn dẹp nhà vệ sinh là công việc của toàn bộ mọi người đang sử dụng cơ sở lán nạn thay phiên nhau làm. Xin vui lòng xem tại bảng phân công và hợp tác thực hiện.

Người quản lý vệ sinh

岐阜県避難所運営ガイドライン様式集(ベトナム語)

P	日本語	ベトナム語
7 1	衛生的な手洗い	Rửa tay đảm bảo vệ sinh
	1 流水で手を洗う	1 Rửa tay dưới dòng nước chảy
	2 洗剤を手に取る	2 Lấy dung dịch rửa tay
	3 手のひら、指の腹面を洗う	3 Rửa lòng bàn tay, mặt trong của ngón tay
	4 手の甲、指の背を洗う	4 Rửa mu bàn tay, mặt trên của ngón tay
	5 指の間（側面）、股（付け根）を洗う	5 Rửa mặt ngoài của ngón tay (hai mặt 2 bên của ngón tay), kẽ ngón tay
	6 親指と親指の付け根のふくらんだ部分を洗う	6 Rửa kỹ ngón tay cái và phần phình ra kết nối với ngón tay cái
	7 指先を洗う	7 Rửa phần đầu ngón tay
	8 手首を洗う（内側・側面・外側）	8 Rửa cổ tay (mặt trong/mặt ngoài/mặt bên)
	9 洗剤を十分な流水でよく洗い流す	9 Hãy rửa tay kỹ với xà phòng và dưới vòi nước chảy
	10手をふき乾燥させる	10 Lau khô tay
	11アルコールによる消毒	11 Khử trùng với cồn
7 4	エコノミークラス症候群予防のために心掛けると良いこと	Những điều cần lưu ý để phòng ngừa Hội chứng hạ phở thông
	予防のためには、 ①ときどき、軽い体操やストレッチ運動を行う ②十分にこまめに水分を取る ③アルコールを控える。できれば禁煙する ④ゆったりとした服装をし、ベルトをきつく締めない ⑤かかとの上げ下ろし運動をしたりふくらはぎを軽くもんだりする ⑥眠るときは足をあげるなどを行いましょう。	Để phòng ngừa, hãy thực hiện: ① Thỉnh thoảng hãy tập thể dục nhẹ nhàng và vận động giãn cơ ② Uống nước đầy đủ, mỗi lần một ít ③ Hạn chế đồ uống có cồn. Cố gắng không hút thuốc lá ④ Mặc quần áo rộng thoải mái, không thắt chặt dây nịt lưng ⑤ Thực hiện các bài tập nâng gót chân hoặc xoa bóp nhẹ bắp chân ⑥ Hãy kê chân cao khi ngủ
	予防のための足の運動	Vận động chân để phòng ngừa
	①足の指でグーをつくる ②足の指をひらく ③足を上下につま先立ちする ④つま先を引き上げる ⑤ひざを両手で抱え、足の力を抜いて足首を回す ⑦ ふくらはぎを軽くもむ	① Gập ngón chân ② Mở rộng ngón chân ③ Dùng mũi chân để đứng lên xuống ④ Hướng mũi chân lên ⑤ Dùng 2 tay ôm đầu gối, thả lỏng lực ở chân và xoay cổ chân ⑥ Xoa bóp nhẹ bắp chân
	7 6	Tiếp nhận
	受付	
	・避難所利用者名簿に世帯全員の氏名を記入してください。受付後は、避難者カードを世帯ごとに記入し、ご提出ください。	・ Hãy ghi họ tên của toàn bộ thành viên trong gia đình vào danh sách người sử dụng cơ sở lánh nạn. Sau khi tiếp nhận, hãy ghi từng hộ gia đình vào thẻ thông tin người sơ

	・避難所を退所される時は、お申出ください。	tán và nộp lại. ・ Hãy thông báo khi rời khỏi cơ sở lánh nạn
7 7	避難室	Phòng lánh nạn
	名称	Tên
	号室	Số phòng
	対象地区	Khu vực thuộc đối tượng
	禁煙・火気厳禁・盗難注意	Cấm thuốc lá/Cấm lửa tuyệt đối/Chú ý trộm cắp
7 8	トイレ	Nhà vệ sinh
	男性用・女性用	Dành cho nam/ Dành cho nữ
	使用可・使用不可	Có thể sử dụng/ Không thể sử dụng
7 9	更衣室	Phòng thay đồ
	男性用・女性用	Dành cho nam/ Dành cho nữ
	※必ず入室前にノックをしてください！	※Nhất định phải gõ cửa trước khi vào phòng!
8 0	授乳室	Phòng cho con bú
	※必ず入室前にノックをしてください！	※Nhất định phải gõ cửa trước khi vào phòng!
8 1	消毒	Khử trùng
	必ず消毒してください。	Nhất định phải khử trùng
8 2	ゴミ	Rác
	分別区分	Phân loại khu vực
	可燃・不燃・（ ）	Cháy được/Không cháy được/()
	回収時間	Giờ thu gom
8 3	立入禁止	Cấm vào
	のため立入禁止とします。	Vì lý do.....nên cấm vào.
8 4	女性専用	Dành riêng cho phụ nữ
8 5	喫煙所	Nơi hút thuốc lá
8 6	土足厳禁	Nghiêm cấm mang giày/dép đi vào
	※靴は靴箱へ片付けましょう。	※Hãy cất gọn giày/dép vào hộp đựng giày
8 7	運営本部	Văn phòng điều hành
	※関係者以外立入禁止	※Người không phận sự miễn vào
8 8	キッズスペース	Không gian dành cho trẻ em
	(子どもの遊び場)	(Nơi vui chơi dành cho trẻ em)
8 9	おむつ交換所	Nơi thay bỉm/tã
9 0	掲示板	Bảng thông báo